

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 625 /LĐTBXH-TE&BDG  
V/v tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện  
Quyết định số 234/QĐ-TTg của  
Thủ tướng Chính phủ

Quảng Trị, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Công an tỉnh
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
- Sở Y tế
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Công văn số 1095/LĐTBXH-TE, ngày 26/3/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1463/UBND-VX, ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao báo cáo theo yêu cầu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Công văn kèm theo).

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị các Sở, ban, ngành liên quan cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg, ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (có hướng dẫn nội dung báo cáo và phụ lục kèm theo).

- Tổng hợp kết quả và gửi báo cáo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới), đồng thời gửi vào email: tuanhtruongqt@gmail.com trước ngày 20/4/2020 để tổng hợp Dự thảo báo cáo, tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thông tin xin đề nghị hệ qua số điện thoại: 0233.3852.741/0914184664./.

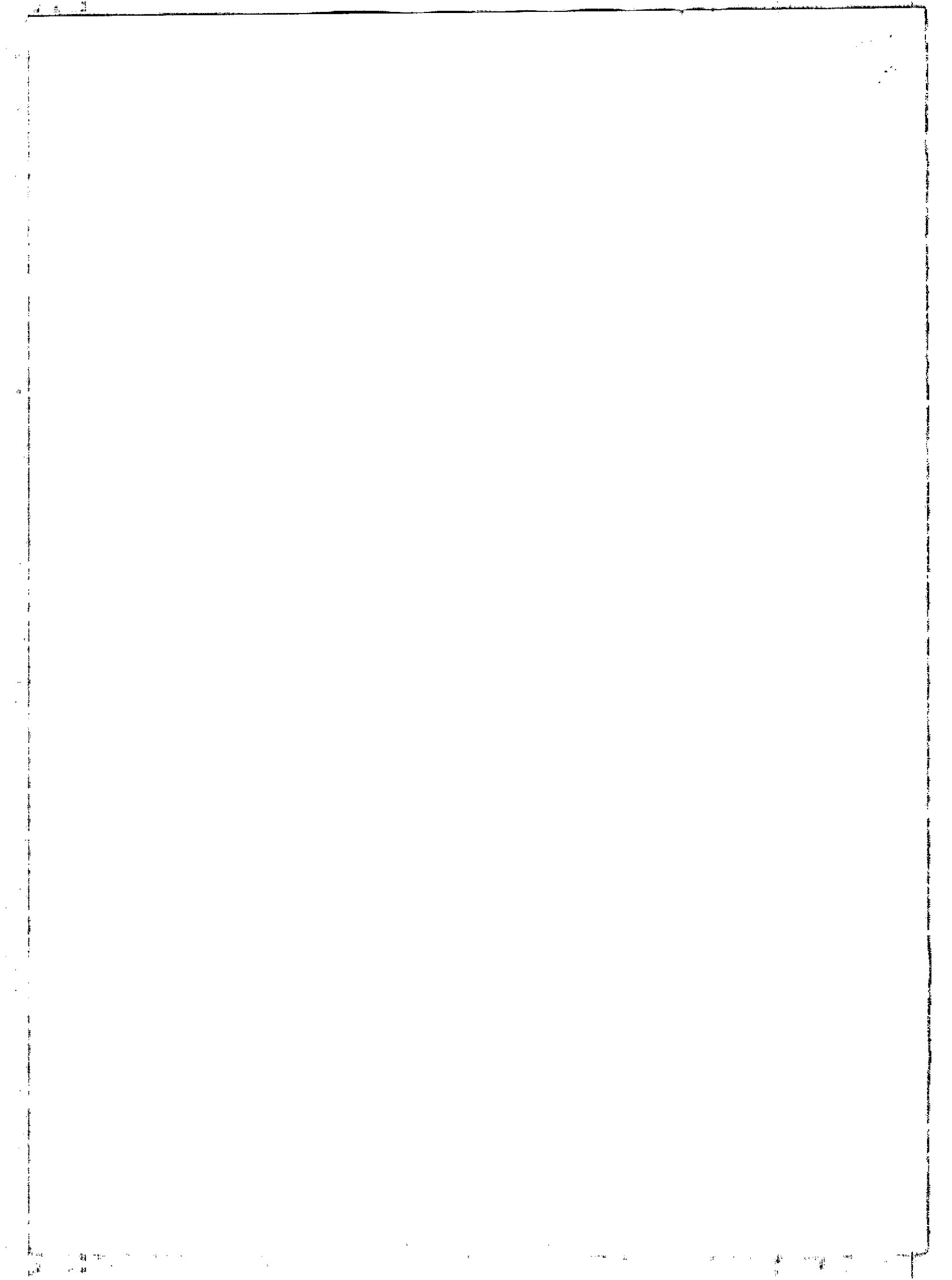
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng LĐTBXH các huyện,tx,tp (t/h);
- GE, PGĐ phụ trách (đ/b);
- Lưu: VT, TE&BDG.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bùi Văn Thắng**



# **HƯỚNG DẪN BÁO CÁO**

## **KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 234/QĐ-TTg**

### **I. Thực trạng tình hình tai nạn, thương tích trẻ em.**

- Thực trạng tình hình tai nạn thương, tích trẻ em tại địa phương, đơn vị đến năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020

- So sánh các giai đoạn 2016-2019: Tổng số trẻ em bị tai nạn, thương tích (so với cùng kỳ năm trước); Số trẻ em bị tử vong do TNTT (so với cùng kỳ năm trước) trong đó số trẻ em tử vong do đuối nước; số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông.

- Tổng số trẻ em tử vong do tai nạn, thương tích theo các loại hình

- Tình hình TNTTTE (theo các phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 sử dụng cho 3 cấp tỉnh, huyện, xã và thu thập theo từng năm)

- Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em bị tai nạn, thương tích và tử vong do tai nạn thương tích (do môi trường, thiếu sự giám sát của cha mẹ, người chăm sóc trẻ....)

### **II. Đánh giá kết quả đã thực hiện của Chương trình**

- Công tác tham mưu văn bản, chỉ đạo.

- Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em cho trẻ em, gia đình, trường học, cộng đồng và xã hội. Nâng cao năng lực về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, các ngành, đoàn thể.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Triển khai xây dựng Ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em

- Triển khai xây dựng Trường học an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em

- Triển khai xây dựng Cộng đồng an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Công tác phòng, chống tai nạn giao thông đường bộ cho trẻ em

- Triển khai các hoạt động về phòng, chống đuối nước trẻ em tại địa phương, đơn vị nói chung và triển khai tại các xã nghèo, huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP.

- Công tác phối hợp liên ngành phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tại địa phương.

- Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

### **III. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu (phụ lục 6)**

Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu của Chương trình qua các năm

### **IV. Nguồn lực thực hiện.**

- Kinh phí:

+ Ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí Trung ương, nguồn kinh phí địa phương).

+ Ngân sách vận động (nguồn từ các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội, đóng góp của gia đình, cộng đồng,...)

- Bộ máy tổ chức và nhân lực quản lý, hướng dẫn thực hiện Chương trình

### **V. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quyết định**

1. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân.

2. Bài học kinh nghiệm.

**VI. Đề xuất các hoạt động và giải pháp thực hiện công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030 tại địa phương, đơn vị.**

1. Mục tiêu

2. Ban hành các chính sách

3. Công tác truyền thông

4. Nâng cao năng lực

5. Thực hiện các tiêu chuẩn an toàn, mô hình phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em

6. Triển khai các can thiệp phòng ngừa các loại hình tai nạn, thương tích trẻ em, phòng, chống đuối nước trẻ em

7. Phối hợp liên ngành

8. Huy động nguồn lực hợp tác quốc tế

*Báo cáo chỉ tiêu theo dõi thực hiện Quyết định số 234 (phụ lục 1,2,3,4,5)*

*Báo cáo số liệu tai nạn thương tích trẻ em (phụ lục 6)*



	Loại TNTT	Đơn vị báo cáo	Số trẻ em mắc/ số trẻ em tử vong								
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT		
			Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
07	Súc vật cắn	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>									
08	Đuối nước										
09	Bom, mìn/vật nổ										
10	Điện giật										
11	Các loại TNTT khác - - -										
	Tổng số										

**Hướng dẫn điền:**

Dựa vào đặc điểm của trẻ em mắc/ tử vong do TNTT để điền vào ô phù hợp.

Lưu ý mỗi ô điền hai thông tin: số trẻ em mắc TNTT và số ca tử vong do TNTT: Ví dụ trong kỳ báo cáo có 5 trẻ em năm bị tai nạn giao thông trong đó có 2 trẻ em bị TNGT tử vong. Vậy số được điền vào ô “A” ở trên sẽ là 5/2

Số mắc TNTT: là bao gồm số mắc TNTT + Số tử vong do mắc TNTT.

Số tử vong: là tử vong do mắc TNTT



	Loại TNTT	Đơn vị báo cáo	Số trẻ em mắc/ số trẻ em tử vong									
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT			
			Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng	
08	Đuối nước	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>										
09	Bom, mìn/vật nổ											
10	Điện giật											
11	Các loại TNTT khác											
	- - -											
	Tổng số											

**Hướng dẫn điền:**

Dựa vào đặc điểm của trẻ em mắc/ tử vong do TNTT để điền vào ô phù hợp.

Lưu ý mỗi ô điền hai thông tin: số trẻ em mắc TNTT và số ca tử vong do TNTT: Ví dụ trong kỳ báo cáo có 5 trẻ em năm bị tai nạn giao thông trong đó có 2 trẻ em bị TNGT tử vong. Vậy số được điền vào ô “A” ở trên sẽ là 5/2

Số mắc TNTT: là bao gồm số mắc TNTT + Số tử vong do mắc TNTT.

Số tử vong: là tử vong do mắc TNTT





	Loại TNTT	Đơn vị báo cáo	Số trẻ em mắc/ số trẻ em tử vong								
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT		
			Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
08	Đuối nước	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>									
09	Bom, mìn/vật nổ										
10	Điện giạt										
11	Các loại TNTT khác										
	- - -										
	Tổng số										

**Hướng dẫn điền:**

- Dựa vào đặc điểm của trẻ em mắc/ tử vong do TNTT để điền vào ô phù hợp.

- Lưu ý mỗi ô điền hai thông tin: số trẻ em mắc TNTT và số ca tử vong do TNTT: Ví dụ trong kỳ báo cáo có 5 trẻ em năm bị tai nạn giao thông trong đó có 2 trẻ em bị TNGT tử vong. Vậy số được điền vào ô “A” ở trên sẽ là 5/2

Số mắc TNTT: là bao gồm số mắc TNTT + Số tử vong do mắc TNTT.

Số tử vong: là tử vong do mắc TNTT



	Loại TNTT	Đơn vị báo cáo	Số trẻ em mắc/ số trẻ em tử vong									
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT			
			Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng	
08	Đuối nước	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>										
09	Bom, mìn/vật nổ											
10	Điện giật											
11	Các loại TNTT khác											
	- - -											
	Tổng số											

**Hướng dẫn điền:**

Dựa vào đặc điểm của trẻ em mắc/ tử vong do TNTT để điền vào ô phù hợp.

Lưu ý mỗi ô điền hai thông tin: số trẻ em mắc TNTT và số ca tử vong do TNTT: Ví dụ trong kỳ báo cáo có 5 trẻ em năm bị tai nạn giao thông trong đó có 2 trẻ em bị TNGT tử vong. Vậy số được điền vào ô “A” ở trên sẽ là 5/2

Số mắc TNTT: là bao gồm số mắc TNTT + Số tử vong do mắc TNTT.

Số tử vong: là tử vong do mắc TNTT



	Loại TNTT	Đơn vị báo cáo	Số trẻ em mắc/ số trẻ em tử vong									
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT			
			Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng	
08	Đuối nước	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>										
09	Bom, mìn/vật nổ											
10	Điện giạt											
11	Các loại TNTT khác - - -											
	Tổng số											

**Hướng dẫn điền:**

- Dựa vào đặc điểm của trẻ em mắc/ tử vong do TNTT để điền vào ô phù hợp.
  - Lưu ý mỗi ô điền hai thông tin: số trẻ em mắc TNTT và số ca tử vong do TNTT: Ví dụ trong kỳ báo cáo có 5 trẻ em năm bị tai nạn giao thông trong đó có 2 trẻ em bị TNGT tử vong. Vậy số được điền vào ô “A” ở trên sẽ là 5/2
- Số mắc TNTT: là bao gồm số mắc TNTT + Số tử vong do mắc TNTT.
- Số tử vong: là tử vong do mắc TNTT

**Phụ lục 6**

**Báo cáo chỉ tiêu thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg**

TT	Nội dung	Đơn vị báo cáo	Năm				
			2016	2017	2018	2019	3 tháng đầu năm 2020
1.	Số trẻ em bị tai nạn thương tích/Tổng số trẻ em	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
2.	Số trẻ em tử vong/Tổng số trẻ em bị tai nạn thương tích						
3.	Số hộ đạt “Ngôi nhà an toàn PCTNTTTE”/Tổng số hộ						
4.	Số trường học đạt “Trường học an toàn PCTNTTTE”/ Tổng số trường	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
5.	Số Cộng đồng đạt “Cộng đồng PCTNTTTE”/ Tổng số cộng đồng						
6.	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông/Số trẻ em bị tai nạn giao thông	<i>Công an tỉnh; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
7.	Số trẻ em tử vong do đuối nước	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					

TT	Nội dung	Đơn vị báo cáo	Năm				
			2016	2017	2018	2019	3 tháng đầu năm 2020
8.	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn giao thông	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
9.	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước						
10.	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết bơi	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo;</i>					
11.	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở được dạy bơi	<i>UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
12.	Số trẻ em sử dụng áo phao khi tham gia giao thông đường thủy	<i>Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
13.	Số xã, phường, thị trấn triển khai thí điểm chương trình bơi an toàn cho trẻ em/ xã, phường, thị trấn	<i>Sở VH-TT-DL; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					
14.	Số bể bơi có dạy bơi cho trẻ em/Tổng số bể bơi						
15.	Số cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em/ Tổng số cán bộ	<i>Sở Y tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh;</i>					
16.	Số nhân viên y tế thôn, bản, nhân viên y tế trường học biết các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho trẻ em bị tai nạn, thương tích/Tổng số nhân viên	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>					